

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	KINH TẾ NÔNG NGHIỆP. Agricultural Economics.
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ.
Ngành đào tạo:	Kinh tế nông nghiệp.
Mã số:	60620115.
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng.
Khối lượng kiến thức:	59 tín chỉ.
Thời gian đào tạo:	2 năm đối với hình thức toàn thời gian, 2,5 năm đối với hình thức bán thời gian.
Khoa/Viện đào tạo:	Kinh tế.
Quyết định ban hành:	Số 768/QĐ-ĐHNT ngày 26/8/2015.

I. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu chung:

Chương trình thạc sĩ “Kinh tế nông nghiệp” theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học đầy đủ những kiến thức căn bản và nâng cao về lĩnh vực kinh tế và chính sách nông nghiệp để phân tích và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tế đối với khu vực nông nghiệp và nông thôn trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

2. Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

- 1) Nắm vững những kiến thức cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp/thủy sản và phát triển nông thôn.
- 2) Giải quyết các vấn đề về kinh tế và tổ chức sản xuất trong khu vực nông nghiệp/thủy sản.
- 3) Phân tích và dự báo thị trường sản phẩm nông nghiệp/thủy sản.
- 4) Vận dụng lý thuyết kinh tế hiện đại để phân tích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 5) Nhận dạng được cấu trúc, phân tích các chính sách kinh tế và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- 1) Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp phát triển nông thôn và các đơn vị kinh doanh nông nghiệp.
- 2) Chuyên viên trong các viện nghiên cứu, cơ quan tư vấn chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- 3) Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước thực hiện các chương trình về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

II. Cấu trúc và nội dung chương trình:

1. Cấu trúc chương trình:

TT.	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	5	14
	Bắt buộc	2	12
	Tự chọn	3	2
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	23	30
	Bắt buộc	8	18
	Tự chọn	15	12
3	Luận văn thạc sĩ	1	15
	Tổng	29	59

2. Danh mục học phần:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng CDR	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức chung		14		
1.1. Các học phần bắt buộc		12		
POS502	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4(4-0)	1,2,3,4,5	
	Tiếng Anh (<i>English</i>)	8 (8-0)		
1.2. Các học phần tự chọn		2		
EC543	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2(2-0)	1,2,4	
ECS511	Thống kê ứng dụng/ <i>Applied Statistics</i>	2(1,5-0,5)	1,2,3,4	
BUA506	Luật Kinh tế/ <i>Economic Law</i>	2(2-0)	2,4	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30		
2.1. Các học phần bắt buộc		18		
ECS505	Kinh tế vi mô nâng cao/ <i>Advanced Microeconomics</i>	2(2-0)	1,3,4	
ECS506	Kinh tế vĩ mô nâng cao/ <i>Advanced Macroeconomics</i>	2(1-1)	1,3,4	
ECS508	Kinh tế lượng ứng dụng/ <i>Applied Econometrics</i>	3(2-1)	1,3	ECS511
ECS517	Phương pháp nghiên cứu kinh tế/ <i>Economic Research Methodology</i>	3(2-1)	1,2,4,5	ECS508
ECS507	Kinh tế tài nguyên môi trường / <i>Natural Resource and Environmental Economics</i>	2(2-0)	1,4,5	ECS505, ECS506
AEC510	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn/ <i>Agricultural Economics and Rural Development</i>	2(2-0)	1,2,3,4,5	ECS505, ECS506
AEC511	Kinh tế trang trại và hộ gia đình/ <i>Economics of Farms and Households</i>	2(2-0)	1,2,3,4,5	AEC510
AEC505	Phân tích chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn/ <i>Analysis of Agricultural Policy and Rural Development</i>	2(2-0)	4,5	AEC510
2.2. Các học phần tự chọn		12		

Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp				
AEC509	Kinh doanh nông nghiệp/ <i>Agricultural Business</i>	2(2-0)	2,3,4	AEC510
EC541	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Economics and Management</i>	2(2-0)	2,5	ECS505, ECS506
ECS512	Kinh tế phát triển nâng cao/ <i>Advanced Development Economics</i>	3(3-0)	1,2,5	ECS505, ECS506
FIB503	Phân tích dự án nông nghiệp/ <i>Analysis of Agricultural Projects</i>	2(2-0)	2,4	AEC510
FIB505	Tài chính nông thôn/ <i>Rural Finance</i>	2(2-0)	2,5	AEC510
ECS510	Marketing nông nghiệp/ <i>Agricultural Marketing</i>	2(2-0)	1,2,3,4	AEC510
ECS513	Phân tích hiệu quả và năng suất/ <i>Analysis of Efficiency and Productivity</i>	2(2-0)	4,5	ECS505, ECS506
EC542	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	2(2-0)	2,3,4	AEC510
Chuyên ngành Kinh tế và quản lý nghề cá				
BUA508	Lãnh đạo trong khu vực công/ <i>Public Sector Leadership</i>	2(2-0)	4,5	
EC511	Kinh tế học nghề cá/ <i>Fisheries Economics</i>	2(2-0)	1,2,3,4,5	ECS505
EC515	Quy hoạch phát triển nghề cá/ <i>Planning for Aquaculture and Fisheries Development</i>	2(2-0)	3,4,5	EC511
FIT503	Quản lý tổng hợp vùng bờ/ <i>Integrated Coastal Zone Management</i>	2(2-0)	4,5	EC515
FIE501	Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản/ <i>Economics and Management Aquaculture</i>	2(2-0)	2,3,4	EC511
FIE502	Kinh tế và quản lý nguồn lợi biển/ <i>Marine Resource Economics and Management</i>	2(2-0)	2,4	EC511
FIE503	Quản lý rủi ro và tổn thương thích ứng với biến đổi khí hậu/ <i>Risk and Vulnerability Management with Climate Change</i>	2(2-0)	4,5	
3. Luận văn		15		
AEC600	Luận văn thạc sĩ/ <i>Master Thesis</i>	15	1,2,3,4,5	
Tổng cộng:		59		

3. Các chủ đề chính của đề tài luận văn thạc sĩ:

- 1) Nghiên cứu dự báo các vấn đề kinh tế xã hội trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.
- 2) Nghiên cứu các vấn đề về sinh kế và đói nghèo trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.
- 3) Nghiên cứu nâng cao thu nhập và giải quyết vấn đề bất bình đẳng trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.
- 4) Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp.
- 5) Đánh giá hiệu quả kinh tế đối với hoạt động sản xuất trong nông nghiệp.
- 6) Phân tích tác động của chính sách kinh tế đến hoạt động sản xuất trong nông nghiệp.
- 7) Phát triển bền vững ngành/ngành sản xuất trong nông nghiệp.

- 8) Vốn tín dụng để phát triển kinh tế nông thôn.
- 9) Phát triển và đào tạo nhân lực cho khu vực nông nghiệp nông thôn.
- 10) Các vấn đề về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.
- 11) Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với ngành/nghề sản xuất trong nông nghiệp.
- 12) Xây dựng chiến lược thích ứng biến đổi khí hậu nhằm phát triển bền vững ngành/nghề sản xuất trong nông nghiệp.
- 13) Xây dựng hướng liên kết bền vững giữa các tác nhân trong chuỗi đối với sản phẩm nông nghiệp.
- 14) Xây dựng các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu cho khu vực nông nghiệp, nông thôn.
- 15) Quản lý rủi ro và tổn thương cho ngành nông nghiệp.
- 16) Nghiên cứu chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp.
- 17) Nghiên cứu nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nông nghiệp.

4. Mô tả học phần

POS502 Triết học 4(4-0)

Học phần khái quát ba vấn đề cơ bản: Thứ nhất, Khái luận về triết học nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học. Thứ hai, những nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn được thể hiện trong bản thể luận, phép biện chứng và nhận thức luận. Thứ ba, những nội dung lý luận triết học về xã hội và con người được thể hiện trong học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội và triết học về con người.

EC543 Khoa học quản lý 2(2-0)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về khoa học quản lý bao gồm: hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý; lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

ECS511 Thống kê ứng dụng 2(1,5-0,5)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về thống kê ứng dụng bao gồm: tổng quan và thu thập dữ liệu; trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị; mô tả dữ liệu định lượng; ước lượng và kiểm định thống kê; và kiểm soát quá trình bằng thống kê. Học phần này cung cấp kiến thức cơ sở để học viên có thể vận dụng vào phân tích kinh tế lượng.

BUA506 Luật kinh tế 2(2-0)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế bao gồm: kiến thức tổng quan về pháp luật kinh tế; phân tích một số lĩnh vực pháp luật nền tảng cho nền kinh tế thị trường, tập trung vào pháp luật về tài sản; đánh giá những thay đổi của Luật doanh nghiệp; trình bày về chính sách và pháp luật cạnh tranh trong kinh doanh.

ECS505 Kinh tế vi mô nâng cao 2(2-0)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý thuyết sản xuất và tiêu dùng trong thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền; quyết định kinh doanh thông qua phân tích lý thuyết trò chơi; lý thuyết về những biến dạng của thị trường như thông tin bất cân xứng, hàng hóa công, ngoại tác; và vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cũng như làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành.

ECS506 Kinh tế vĩ mô nâng cao 2(1-1)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về kinh tế vĩ mô bao gồm: phương pháp hoạch toán thu nhập quốc dân; tăng trưởng kinh tế; tỷ giá đối hoái và các chính sách kinh tế vĩ mô trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập.

ECS508 Kinh tế lượng ứng dụng 3(2-1)

Nội dung chính của học phần bao gồm: Thứ nhất, giới thiệu các vấn đề nảy sinh trong việc ước lượng mô hình khi các giả thiết của mô hình hồi qui tuyến tính cổ điển (CLRM) bị vi phạm và các phương pháp khắc phục. Thứ hai, học viên sẽ được tiếp cận việc ước lượng mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng. Thứ ba, các mô hình với biến phụ thuộc định tính và bị giới hạn cũng được nghiên cứu ở học phần này.

ECS517 Phương pháp nghiên cứu kinh tế 3(2-1)

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về các phương pháp và kỹ năng thực hiện nghiên cứu trong kinh tế. Nội dung của học phần bao gồm các vấn đề liên quan đến xác định vấn đề nghiên cứu; thiết kế nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu; cách thức chọn mẫu và phương pháp thu thập số liệu; sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp để xử lý dữ liệu; viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

ECS507 Kinh tế tài nguyên môi trường 2(2-0)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về lý thuyết mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, môi trường tài nguyên và phát triển bền vững, kinh tế học ô nhiễm, các phương pháp đánh giá về giá trị môi trường và tài nguyên thiên nhiên; lý thuyết về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhằm giúp người học hình thành năng lực và tư duy phân tích cho các chính sách phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hiện nay.

AEC510 Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn 2(2-0)

Học phần cung cấp cho người học những lý thuyết nền tảng và nâng cao về kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; vận dụng một số hàm sản xuất để đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp; qui luật cung cầu sản phẩm nông nghiệp; các vấn đề nông thôn Việt Nam đang phải đối mặt.

AEC511 Kinh tế trang trại và hộ gia đình 2(2-0)

Học phần cung cấp những lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về phân tích kinh tế đối với các quyết định của hộ gia đình nông thôn; các vấn đề kinh tế - kỹ thuật - xã hội chủ yếu trong việc phát triển kinh tế của hộ gia đình và trang trại. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học phương pháp để tổ chức, quản lý và sử dụng đất đai, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn...

AEC505 Phân tích chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn 2(2-0)

Học phần cung cấp cho học viên cơ sở khoa học của các dạng chính sách chủ yếu trong khu vực nông nghiệp; phân tích và đánh giá các chính sách phát triển trong khu vực nông nghiệp, nông thôn; phân tích và hoạch định chính sách đối với khu vực nông nghiệp tại địa phương.

AEC509 Kinh doanh nông nghiệp 2(2-0)

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lý thuyết phân tích giá nông sản, các phương thức kinh doanh nông nghiệp trên thế giới, chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu và tác động của các chính sách thương mại quốc tế đối với nông nghiệp.

EC541 Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực 2(2-0)

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về quản lý nguồn nhân lực như: nguồn nhân lực và các chỉ số phát triển con người; thất nghiệp và các giải pháp tạo việc làm, thu hút nhân lực chất lượng cao của quốc gia và địa phương; phân công và hiệp tác lao động nhằm nâng cao năng suất lao động; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của địa phương; xây dựng hệ thống đo lường đánh giá kết quả công việc và đánh giá con người.

ECS512 Kinh tế phát triển nâng cao 3(3-0)

Nghiên cứu lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về phát triển kinh tế bao gồm các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế; các mô hình tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế trên thế giới; các nguồn lực (vốn, lao động...) phục vụ cho tăng trưởng kinh tế; những vấn đề của nông nghiệp, công nghiệp và đô thị hóa trong quá trình phát triển; nghèo đói, bất bình đẳng và phát triển bền vững.

FIB503 Phân tích và đánh giá dự án nông nghiệp 2(2-0)

Học phần sẽ giúp cho học viên tiếp cận với những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng thực tế trong thẩm định dự án bao gồm kiến thức nền tảng vững chắc trong thẩm định dự án về mặt tài chính và kinh tế được minh họa bằng các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp. Học viên thực hiện việc lập và thẩm định bằng Excel đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp trên thực tế, đánh giá tính khả thi và phân tích rủi ro dựa trên mô hình đã lập.

FIB505 Tài chính nông thôn 2(2-0)

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về tài chính nông thôn, các công cụ của tài chính nông thôn, phương pháp tiếp cận sinh kế bền vững, đánh giá và thiết kế các chính sách tài chính, cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp cho khu vực nông thôn.

ECS510 Marketing nông nghiệp 2(2-0)

Học phần sẽ giúp cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về marketing nông nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đã và đang trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới. Cụ thể, học phần sẽ nghiên cứu một số nội dung chủ yếu sau: Thị trường trong kinh doanh nông nghiệp, môi trường Marketing kinh doanh nông nghiệp, các chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối, và xúc tiến trong kinh doanh nông nghiệp.

ECS513 Phân tích hiệu quả và năng suất 2(1,5-0,5)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp đo lường hiệu quả và năng suất của các đơn vị ra quyết định (cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, ngành và vùng); các mô hình ước lượng hiệu quả và năng suất theo các cách tiếp cận tham số và phi tham số; ý nghĩa đối với các đơn vị ra quyết định trong việc nâng cao hiệu quả và năng suất; sử dụng các phần mềm chuyên dụng để phân tích và tính toán hiệu quả và năng suất.

EC542 Quản trị chuỗi cung ứng 2(1-1)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng bao gồm: tổng quan chuỗi cung ứng; thiết kế chuỗi cung ứng; hoạt động điều hành chuỗi cung ứng; công nghệ thông tin và chuỗi cung ứng; đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

BUA508 Lãnh đạo trong khu vực công 2(2-0)

Học phần sẽ tập trung vào việc phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, thay đổi rất nhanh: phát triển tầm nhìn chiến lược, những chiến lược và các năng lực lãnh đạo, thực hiện và quản lý sự thay đổi.

EC511 Kinh tế học nghề cá 2(2-0)

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về lý thuyết và mô hình kinh tế sinh học ứng dụng vào hoạt động đánh bắt thủy sản; giải thích các động cơ, hành vi của các chủ thể trực tiếp và gián tiếp tham gia vào hoạt động đánh bắt thủy sản ở góc độ từng cá nhân (người đánh cá, con tàu) cũng như toàn bộ nghề cá; và các khía cạnh chuẩn tắc (normative) trong việc đưa ra các gợi ý chỉ dẫn, quản lý nguồn lợi thủy sản, điều chỉnh, kiểm soát hoạt động đánh bắt thủy sản.

EC515 Quy hoạch và phát triển nghề cá 2(2-0)

Học phần bao gồm các hợp phần kiến thức cụ thể và khoa học về các vấn đề trong công tác quy hoạch và phát triển nghề cá hay ngành thủy sản nói chung; các công cụ cho quy hoạch (công cụ điều tra kinh tế xã hội, công cụ kỹ thuật bản đồ, đánh giá môi trường, công nghệ kỹ thuật viễn thám, GIS...) sử dụng trong quy hoạch ngành và quản lý tài nguyên, kèm theo các tiêu chí, điều

kiện cho quy hoạch và các chiến lược phát triển ngành thủy sản trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nhằm góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản.

FIT503 Quản lý tổng hợp vùng bờ 2(2-0)

Kiến thức cơ bản về vùng bờ, tài nguyên và các vấn đề liên quan đến quản lý vùng bờ; cách tiếp cận quản lý tổng hợp vùng bờ; xây dựng hồ sơ vùng bờ; thiết lập và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ; giám sát và đánh giá kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ. Một số vấn đề về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Việt Nam.

FIE501 Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản 2(2-0)

Vị trí đặc điểm và khả năng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản (NTTS) ở Việt Nam, tổ chức, quản lý và sử dụng đất đai diện tích mặt nước trong NTTS; Những vấn đề chung về quản lý ngành NTTS; các vấn đề kinh tế - kỹ thuật - xã hội chủ yếu trong việc phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản; Phân tích kinh tế - kỹ thuật trong NTTS

FIE502 Kinh tế và quản lý nguồn lợi biển 2(2-0)

Học phần cung cấp các kiến thức về khoa học biển và hệ sinh thái biển, các nguồn lợi biển và Công ước quốc tế về Luật biển năm 1982; cách thức quản lý nguồn lợi biển từ góc độ kinh tế với các nguồn tài nguyên gần bờ và vùng biển khơi (nguồn lợi cá, dầu khí, đường hàng hải,...) trong các trường hợp tài nguyên do một chủ thể sở hữu, do nhiều chủ thể sở hữu hoặc tài nguyên có quyền tiếp cận mở (open access); quy trình và phương pháp xác định các giá trị môi trường biển; và cách tiếp cận quản lý dựa trên hệ sinh thái.

FIE503 Quản lý tổn thương và rủi ro trong bối cảnh biến đổi khí hậu 2(2-0)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức liên quan đến rủi ro, biến đổi khí hậu; chiến lược thích ứng giảm thiểu và khả năng phục hồi của cộng đồng, thiết kế các kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu; nhận dạng những nhân tố chịu ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu, và những nguồn lợi có thể bị tổn thương khi có biến đổi khí hậu; những rủi ro biến đổi khí hậu lên cộng đồng.

III. Tổ chức đào tạo; kiểm tra, đánh giá; và điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.